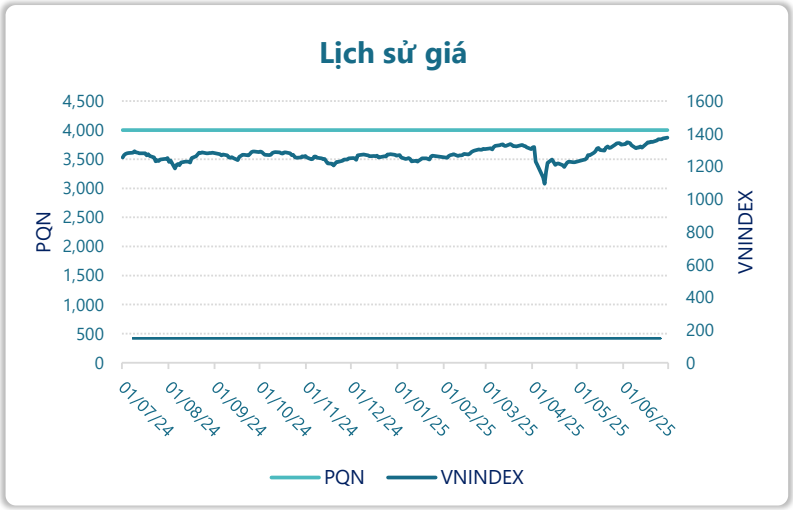
FireAnt

CTCP Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC (UPCOM: PQN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
P/E	4.1
EPS	988

DT thuần

Q2/25

612

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 462| 308%

YoY: ▼55.0| -8.2%

LN sau thuế

Q2/25

14.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.1| 308%

YoY: ▲ 1.60| 11.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.9%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

6T 2025

763

tỷ VNĐ

YoY: ▼106| -12.2%

LN sau thuế

6T 2025

18.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.80| 4.9%

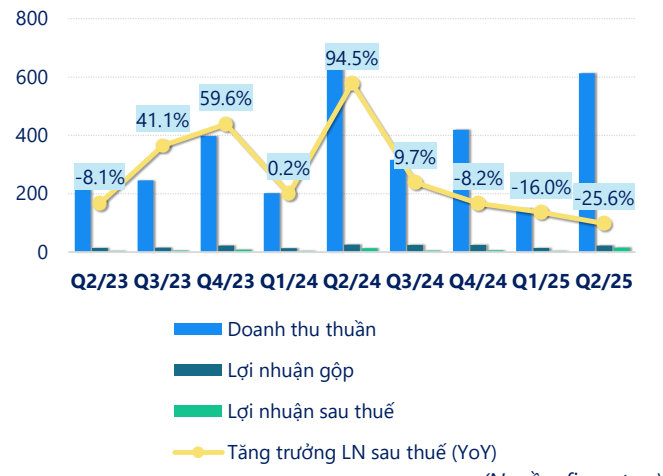
ROE

Q2/25

16.5%

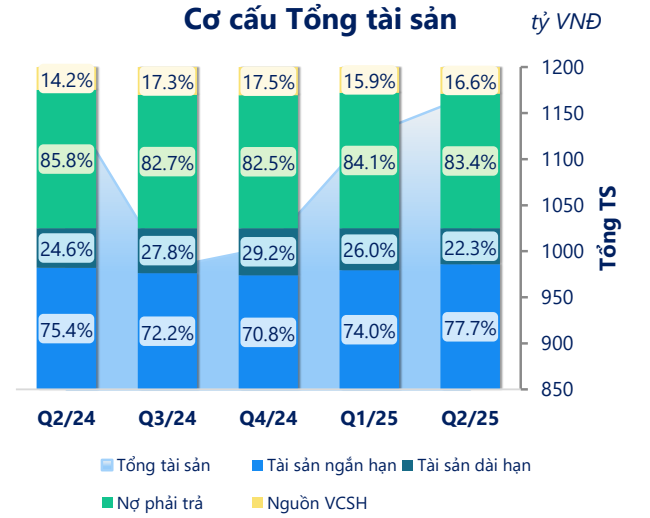
+/- YoY: ▼ 4.1%

Kết quả kinh doanh



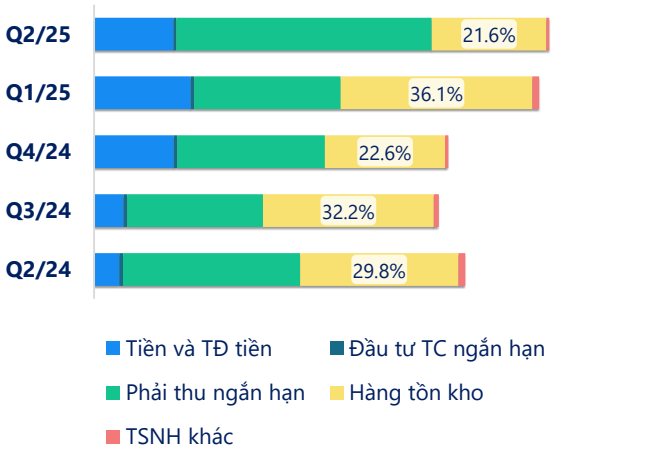
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



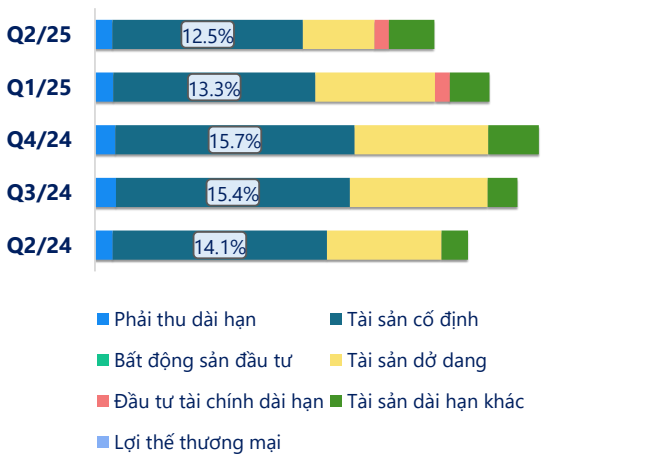
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



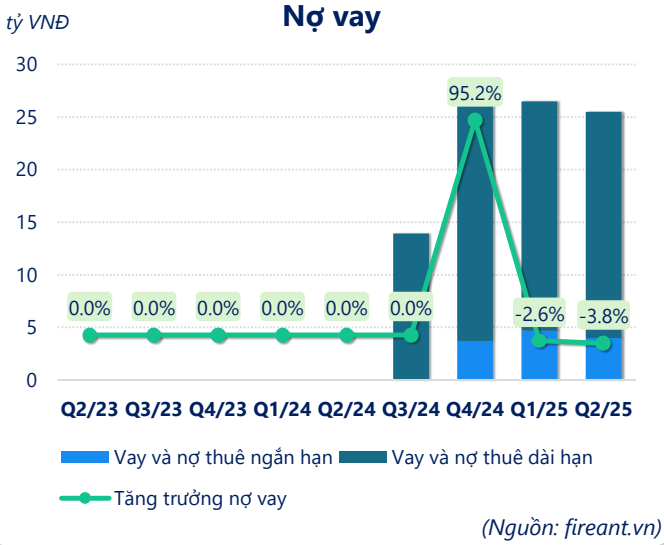
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



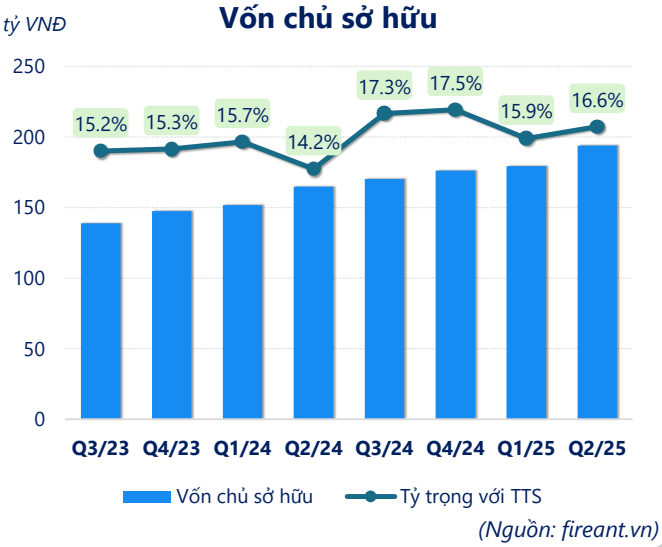
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



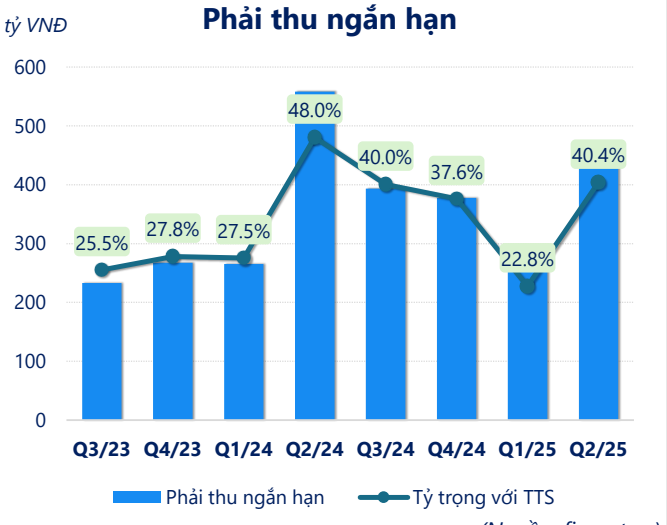
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



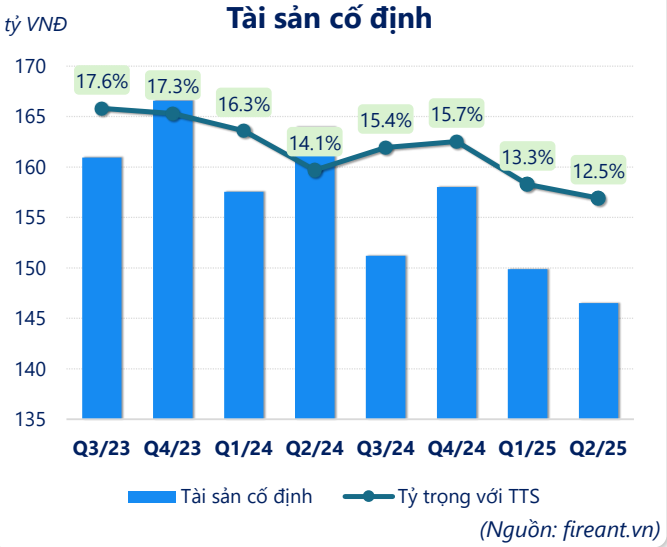
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



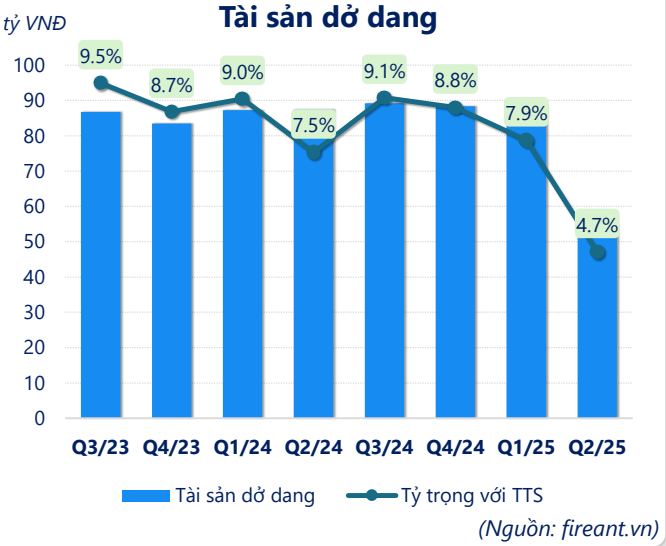
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



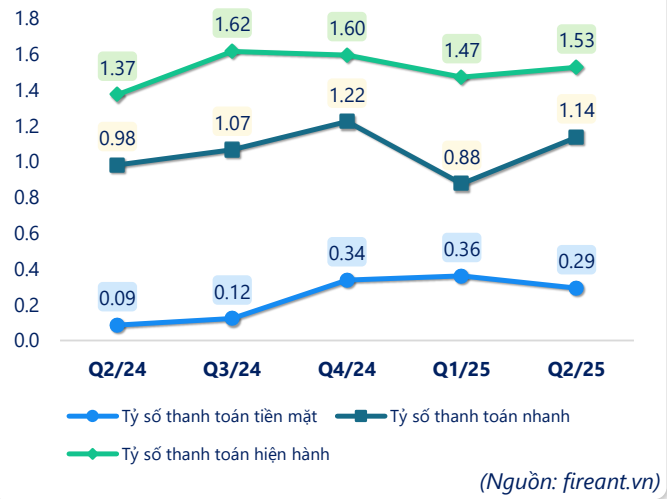
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



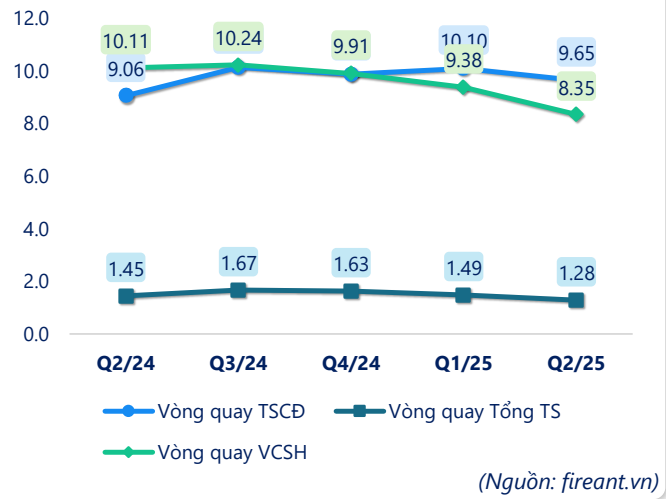
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,162**	**982**	**1,004**	**1,126**	**1,169**
Tài sản ngắn hạn	**876**	**709**	**711**	**834**	**908**
Tiền và tương đương tiền	54.9	54.2	150	204	174
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	6.40	6.40	6.40
Phải thu ngắn hạn	558	393	378	256	472
Hàng tồn kho	251	241	166	338	232
Tài sản ngắn hạn khác	6.33	14.2	10.9	28.7	23.2
Tài sản dài hạn	**285**	**273**	**293**	**293**	**261**
Phải thu dài hạn	13.5	13.5	13.5	13.5	13.5
Tài sản cố định	164	151	158	150	147
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	87.5	89.2	88.4	88.7	55.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	11.0	11.0
Tài sản dài hạn khác	20.2	19.2	33.5	29.4	35.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**997**	**812**	**828**	**947**	**975**
Nợ ngắn hạn	**638**	**439**	**445**	**566**	**595**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	3.70	4.70	4.00
Phải trả người bán ngắn hạn	461	247	241	266	367
Nợ dài hạn	359	373	383	381	381
Vay và nợ thuê dài hạn	0	13.9	23.5	21.8	21.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**165**	**170**	**176**	**179**	**194**
Vốn chủ sở hữu	**165**	**170**	**176**	**179**	**194**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)